

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

SỰ “MỞ RỘNG” HÌNH THỨC CẤU TRÚC ĐỂ DIỄN ĐẠT MỨC ĐỘ TRONG TIẾNG VIỆT TOÀN DÂN VÀ TIẾNG NAM BỘ VÕ THỊ NGỌC HOA*

TÓM TẮT: Tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ đều có hiện tượng “mở rộng” hình thức cấu trúc dựa theo mô hình ảnh xạ CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC CÀNG NHIỀU NỘI DUNG để diễn đạt mức độ tăng tiến, từ mức độ cao sang mức cực cấp và từ mức cực cấp sang mức siêu cực cấp. Tuy nhiên, số lượng cũng như cách thức “mở rộng” hình thức cấu trúc để biểu thị mức độ tăng tiến trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ không hoàn toàn giống nhau. Điều này cho thấy không chỉ giữa các ngôn ngữ mới phản ánh điểm khác biệt về đặc điểm văn hóa, tri nhận mà ngay cả trong nội bộ một ngôn ngữ, cũng phản ánh điểm khác biệt về đặc điểm văn hóa, tri nhận của người Việt ở từng vùng miền.

TỪ KHÓA: sự “mở rộng”; hình thức cấu trúc; mức độ; ngôn ngữ học tri nhận; siêu cực cấp.

NHẬN BÀI: 29/5/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/9/2020

1. Mở đầu

Giữa hình thức cấu trúc và nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ có mối quan hệ tương ứng. Trong ấn phẩm *Metaphors We live by*, nhóm tác giả Lakoff - Johnson (1980) cho rằng “Nếu vật chứa nhỏ thì nội dung nhỏ, vật chứa lớn thì nội dung cũng lớn.” [11, tr.127]. Bài viết *Tính phổ biến của phương thức lặp trong loại hình ngôn ngữ dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận* của tác giả Ngô Thị Huệ (2014) đã tổng thuật các nghiên cứu về tính tương ứng giữa hình thức và nội dung trong ngôn ngữ. “Jakobson (1971) cho rằng hình thái càng phức tạp thì ý nghĩa càng phức tạp... Reddy Michael (1979) xem hình thức là một máy chứa, trong đó những ý nghĩa biểu đạt được coi là nội dung mà nó chứa đựng. Như vậy hình thức - ý nghĩa giống như quan hệ máy chứa - nội dung, máy chứa càng lớn thì nội dung càng lớn” [4, 35-39]. Trong bài viết *Hình thức và nội dung nhìn từ tri nhận luận*, Trịnh Sâm (2015) cho rằng “cũng như một số ngôn ngữ, tiếng Việt hay dùng một số biện pháp “coi nói” hình thức biểu đạt để mở rộng nghĩa theo những chiều kích khác nhau” [6, tr.32]. Các ý kiến trên gợi ý cho chúng tôi tìm hiểu dạng kết cấu mang ý nghĩa mức độ có hình thức cấu trúc “mở rộng” thêm theo mô hình ảnh xạ tri nhận CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC CÀNG NHIỀU NỘI DUNG. Kết quả khảo sát làm cơ sở để trao đổi thêm về dải mức độ trên thang độ tiếng Việt, làm rõ thêm về một phương thức biểu thị mức độ đánh giá trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ. Dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, kết quả khảo sát còn làm sáng tỏ quá trình ý niệm hóa miền đích chỉ mức độ và đặc điểm văn hóa dân tộc Việt nói chung và văn hóa của người dân Nam Bộ nói riêng.

Nguồn ngữ liệu bài viết chọn khảo sát là các ý niệm đích có sự “mở rộng” hình thức cấu trúc để biểu thị mức độ cao hơn từ “Từ điển tiếng Việt” Hoàng Phê chủ biên (2016), “Từ điển từ ngữ Nam Bộ” (2007) của Huỳnh Công Tín, “Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong Hành chức” (2015) của Đỗ Thị Kim Liên.

2. Các kết cấu chỉ mức độ hình thành bằng cách “mở rộng” hình thức cấu trúc

Từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, vấn đề thang độ và dải mức độ trên thang độ tiếng Việt vẫn còn là một khoảng trống rộng. Theo nguồn tư liệu chúng tôi thu thập được, hiện vẫn chưa thấy bài viết, chuyên khảo nào đưa ra định nghĩa, đặc điểm, tiêu chí phân loại mức độ trên thang độ tiếng Việt và nghiên cứu từ ngữ chỉ mức độ đánh giá theo hướng tiếp cận này. Với phạm vi khảo cứu của bài

* ThS-NCS; Trường Đại học Khoa học Huế; Email: ngochoadhy@gmail.com

viết là các biểu thức mang nghĩa chuyển chỉ mức độ từ mức độ cao trở lên, chúng tôi hiểu các mức độ đó trên thang độ tiếng Việt như sau:

- Xem mức độ cao là ý nghĩa gắn với mức độ cao hơn mức bình thường của tính chất, trạng thái sự vật, hiện tượng. Các phương tiện từ vựng biểu đạt ý nghĩa mức độ cao có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ cao “rất, lắm, quá”. Ví dụ: cay quá/ ngứa mắt + quá (không hài lòng, thỏa mãn); bầm giập, trần ai + dữ/ quá (vất vả, khổ cực); mắt dạ, bùi tai, sưng tai, hà dạ + lắm/ quá/ dữ (sung sướng, thỏa mãn).

- Xem mức cực cấp là ý nghĩa gắn với mức độ cao nhất của tính chất, trạng thái sự vật, hiện tượng. Các phương tiện từ vựng biểu thị ý nghĩa cực cấp không có khả năng kết hợp các phụ từ chỉ mức độ cao (lắm, quá, rất, thậm,...), cũng không có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức cực cấp (chí, chúa, tối, tuyệt, siêu,...). Ví dụ: quá trời, quá sá, kinh khủng (số lượng nhiều), mát ruột mát gan (sung sướng), bầm gan tím ruột (tức giận).

- Xem mức cao hơn mức cực cấp/ mức vượt ngưỡng cực cấp, là ý nghĩa gắn với mức độ tốt cùng của tính chất, trạng thái sự vật hiện tượng. Các phương tiện từ vựng biểu thị ý nghĩa cao hơn mức cực cấp không có khả năng kết hợp các phụ từ chỉ mức độ cao (lắm, quá, rất, thậm,...) cũng không có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức cực cấp (chí, chúa, tối, tuyệt, siêu,...). Các kết cấu diễn đạt mức cao hơn mức cực cấp có hình thức kết cấu lớn hơn so với kết cấu hình thức của kết cấu mang ý nghĩa cực cấp. Ví dụ: cảm cổ > cảm đầu cảm cổ, cổ chết > cổ sống cổ chết, hết nước > hết nước hết cái.

Để tiện việc thu thập, phân loại các ý niệm đích chỉ mức độ, chúng tôi định ra các tiêu chí nhận diện các mức độ trên như sau:

i. Dựa vào khả năng kết hợp: có khả năng hoặc không có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ (theo trực ngữ đoạn);

ii. Dựa vào kinh nghiệm của người sử dụng ngôn ngữ;

iii. Dựa vào hình thức cấu trúc của kết cấu biểu thị mức độ.

Căn cứ các tiêu chí phân loại trên, chúng tôi thu thập được 76 đơn vị, gồm 13 kết cấu chỉ mức cực cấp, 63 kết cấu chỉ mức vượt ngưỡng cực cấp. Cụ thể:

Trong *Từ điển tiếng Việt*, có 5 kết cấu chỉ mức độ cao “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để chỉ mức cực cấp; có 18 kết cấu chỉ mức cực cấp “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để chỉ mức vượt ngưỡng cực cấp:

- Mức độ cao > mức cực cấp: *mát mặt > mát mày mát mặt/ mát mặt mát tai, mát lòng > mát lòng mát dạ, mát ruột > mát ruột mát gan; nóng ruột > nóng ruột nóng gan; môi mồm > môi mồm môi miệng, lắm mồm > lắm mồm lắm miệng.* (7 kết cấu chỉ mức cực cấp).

- Mức cực cấp > mức vượt ngưỡng cực cấp: *bạt vĩa > bạt vĩa kinh hồn, khiếp vĩa > kinh hồn khiếp vĩa; đứt ruột > đứt ruột đứt gan; nói thánh, nói tướng > nói thánh nói tướng, nói toạc > nói toạc móng heo, rát cổ > rát cổ rát họng, hết nước > hết nước hết cái; dốt đặc > dốt đặc cán mai; bù đầu > bù đầu bù cổ, cảm cổ > cảm đầu cảm cổ, cổ chết > cổ sống cổ chết; cười cổ > cười đầu cười cổ, trơ mắt > trơ mắt éch/ trơ thỏ địa; khiếp > khủng khiếp, kinh > kinh khủng, quá trời > quá trời quá đất; đứt đuôi > đứt đuôi con nòng nọc.* (18 kết cấu biểu thị mức độ vượt ngưỡng cực cấp).

Trong *Từ điển từ ngữ tiếng Nam Bộ*, có 5 kết cấu chỉ mức độ cao “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để chỉ mức cực cấp; có 29 kết cấu chỉ mức cực cấp “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để chỉ mức vượt ngưỡng cực cấp:

- Mức độ cao > mức cực cấp: *bà chằn > bà chằn lưa; cứng cựa > cứng cựa gà nòi; trần ai > trần thân di nan di chí/ trần thân mọo dậu; xăng > xăng cà dung; kim chỉ > kim chỉ đá lưa.* (6 kết cấu chỉ mức cực cấp).

- Mức cực cấp > mức vượt ngưỡng cực cấp: *lên ruột > lên ruột cá chùm; sấu mình > sấu mình mảy; mát trời > mát trời ông địa/ mát trời quê hương; quắc cần > quắc cần câu; hết đường > hết*

đường tương chao; bù trát > bù trát ống vó/ mù trát > mù trát ống vó; cù lằn > cù lằn lừa/ cù lằn chúa; (quây) sanh từ > (quây) sanh từ lừa; dàng trời > dàng trời đổ lừa/ dàng trời mây; làm trận > làm trận làm thượng; sụm > sụm bà chề; rùm trời > rùm trời rùm đất/ rùm trời bát nhữ; bệ hiệu > bệ hiệu con nai chà; ác > ác chiến/ ác đạn/ ác liệt/ ác xiêm la; dữ > dữ thần/ dữ quá; quá xá > quá xá máu/ quá xá trời/ quá trời thần; quá trời > quá trời ông địa; thấy mờ > thấy mờ tổ/ thấy mờ cổ tổ; thấy bà > thấy bà cổ/ thấy bà cổ tổ; thấy cha > thấy ông thấy cha; mặt cọng > mặt cọng từ đường; thầy lay > thầy lay căng vệt; bà cổ lữ > bà cổ lữ bà cổ lai; mút mùa > mút mùa lệ thủy; biệt mù > biệt mù san dã; mút chi > mút chi mút cà tha/ mút chi cần câu; hết cỡ > hết cỡ thợ mộc; chà bá > chà bá lừa; tổ bà/ tổ chàng > tổ bà chàng, tổ bà nai, tổ bà dềnh. (45 kết cấu biểu thị mức độ vượt ngưỡng cực cấp).

Các kết cấu mang nghĩa chuyển chỉ mức độ hình thành bằng cách “mở rộng” cấu trúc có khả năng:

(1) Biểu thị mức độ cho hầu hết các đặc tính sự tình. Chúng có chức năng như các phụ từ chỉ mức độ, làm thành tổ phụ bổ sung ý nghĩa mức độ cho các vị từ chỉ đặc tính sự tình (vị từ + miền đích chỉ mức độ). Các ý niệm đích chỉ mức độ dạng này chủ yếu được phóng chiếu từ phạm trù cảm giác con người “khùng khiếp, kinh khủng, ghê gớm,... (tiếng Việt toàn dân), “ác liệt, ác chiến, ác đạn, dữ ác, dữ thần...” (tiếng Nam Bộ).

(2) Vừa biểu thị mức độ cho đặc tính đó hoặc chỉ biểu thị mức độ cho một hoặc một số đặc tính sự tình nhất định.

Số liệu trên cho thấy một phân phương tiện từ vựng biểu đạt mức độ đánh giá trên thang độ tiếng Việt được cộng đồng diễn ngôn tạo ra bằng cách “mở rộng” hình thức cấu trúc của các kết cấu chỉ mức độ sẵn có để biểu thị mức độ tăng tiến (từ mức độ cao thành mức cực cấp, và từ mức cực cấp thành mức cao hơn cực cấp). Với 63 ý niệm đích chỉ mức độ nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn được hình thành dựa trên sự “mở rộng” từ các ý niệm đích chỉ mức cực cấp, có thể chấp nhận bậc mức độ vượt ngưỡng cực cấp trên thang độ đánh giá tiếng Việt?

Nhìn nhận lại các ý kiến về dải mức độ trên thang độ đánh giá tiếng Việt. Hiện vẫn chưa thống nhất về số lượng mức độ trên thang độ đánh giá.

Nhóm ý kiến cho tiếng Việt có bốn mức độ, gồm mức bình thường, mức độ thấp, mức độ cao và cực cấp. Hoàng Trọng Phiến (2003) trong *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại*, dù không nêu rõ ý kiến phân loại mức độ nhưng qua phần giải thích cách dùng các hư từ, tác giả có thể hiện sự phân dải mức độ thành bốn mức như trên. Phạm Hùng Dũng (2011) trong bài viết *Ý nghĩa dải mức độ và cách dùng của các đơn vị chỉ mức độ trong tiếng Việt*, cũng cho rằng tiếng Việt có bốn mức độ: ngoài mức bình thường, có mức độ thấp, mức độ cao và mức cực cấp. Mức độ thấp, gồm mức thấp hơn mức trung bình (hơi) và mức cao hơn mức trung bình (khí, khá); mức độ cao (rất, lắm, quá); mức độ cực cấp (chí, chúa, cực, cực kì, tuyệt, tối). Nhóm ý kiến cho tiếng Việt có năm mức độ: *Từ điển tiếng Việt* (2016) của Viện Ngôn ngữ, căn cứ vào mức bình thường phân thành bốn mức khác, gồm: mức độ ít, mức độ tương đối cao, mức độ cao hơn hẳn mức bình thường và mức cao khác thường. Ngoài ra, còn có một số bài viết đề cập đến từ ngữ chỉ một số mức độ nhưng không thể hiện rõ quan điểm phân loại. Đinh Lê Thư (1995) cho “*rất, lắm, quá*” chỉ mức độ cao, riêng nhóm “*cực, tối, chí, tuyệt*” thì có đề cập cách sử dụng nhưng không xếp chúng vào loại nào. Nhóm tác giả Trần Thị Tâm - Nguyễn Thanh Phong (2003) trong bài viết *Vài ghi nhận về những kết hợp biểu thị nghĩa mức độ cao*, cho các trường hợp trên mang ý nghĩa mức độ cao, nhưng có sự phân biệt cụ thể: nhóm biểu thị mức độ cao, gồm *quá, lắm, rất*; nhóm biểu thị mức độ hoàn toàn triệt để, gồm: *tuyệt, hết mực, cực kì, hết sức*.

Những quan điểm về dải mức độ trên thang độ đánh giá tiếng Việt không thống nhất là do cách hiểu, xác định các mức độ, nhất là mức cao nhất trong dải mức độ. Vậy đâu là mức độ cao nhất trên thang độ đánh giá tiếng Việt?

Léopold Cadière (1958) phân mức cực cấp trong tiếng Việt thành ba tiểu loại: cực cấp tương đối (superlative relative), cực cấp tuyệt đối (superlative absolu) và cực cấp vượt ngưỡng (superlative excessif). Cực cấp vượt ngưỡng, theo tác giả, là sự kết hợp với các yếu tố cực cấp tuyệt đối “*quá, lắm*” được mở rộng như “*quá sức, hung lắm, dữ lắm,...*” sau các tính từ để có các biểu thức như “*tốt quá sức, tốt hung lắm, tốt dữ lắm,...*” [10]. Phạm Hùng Dũng (2012) đã đặt câu hỏi và đã trình bày rõ quan điểm cá nhân về vấn đề có hay không có mức cao hơn mức cực cấp: “*Tại sao cao nghệu, cực cao đã biểu thị ý nghĩa “cực cấp” rồi lại có những hình thức diễn đạt ý nghĩa “cực cấp” khác như cao nghệu nghệu, cực kì cao?*” “*Yếu tố nghệu, trong cao nghệu nghệu và kì trong cực kì cao dường như có vẻ có tác dụng làm tăng thêm mức độ của tính chất, trạng thái; sạch túi - hết sạch túi - hết hẳn túi cũng là những biểu thức biểu thị mức cực cấp nhưng khác nhau về sắc thái nhấn mạnh. Theo chúng tôi, các yếu tố này chỉ có chức năng nhấn mạnh ý nghĩa “cực cấp”, tạo nên những sắc thái khác biệt cho kết cấu, chứ không biểu hiện ý nghĩa tăng thêm độ cao của chiều cao.* [2, tr.25-26].

Các kết cấu chỉ mức độ có hình thức cấu trúc “*mở rộng*” từ *Từ điển tiếng Việt* và *Từ điển từ ngữ Nam Bộ* mà chúng tôi chọn khảo sát đều có ý nghĩa nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn so với các kết cấu gốc.

Ví dụ: “*bạt vĩa* (sợ hãi lắm, như mắt cá hòn vĩa) > *bạt vĩa kinh hồn* (như *bạt vĩa*, nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn); *biệt tâm* (hoàn toàn không còn thấy tâm hơi đâu cả) > *biệt tâm biệt tích* (nghĩa nhấn mạnh hơn); *chúi đầu* (để hết tâm trí vào việc gì) > *chúi đầu chúi mũi* (như *chúi đầu*, nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn); *cùn đời* (suốt đời, cho hết đời) > *cùn đời mạt kiếp* (như *cùn đời*, nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn), *đứt ruột* (đau xót đến mức như đứt từng khúc ruột) > *đứt ruột đứt gan* (như *đứt ruột*, nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn); *bà cổ lữ* (rất xưa) > *bà cổ lữ bà cổ lai* (như *bà cổ lữ* nhưng có ý nhấn mạnh); *dàng trời* (quá sức tưởng tượng) - *dàng trời đổ lửa/ dàng trời mây* (như *dàng trời* nhưng sắc thái nghĩa được nhấn mạnh ở mức cao hơn); *hết cỡ* (hết mức, hết khả năng) > *hết cỡ thợ mộc* (ý nhấn mạnh những gì vượt quá khả năng); *mù trắng* (hoàn toàn không biết, không hiểu gì) > *mù trắng ống vố* (như *mù trắng*, nhưng có ý nhấn mạnh), *quậy sanh từ* (có những hành động rất sai trái, bậy bạ) > *quậy sanh từ lĩa* (như *quậy sanh từ* nhưng có ý nhấn mạnh hơn).

Các kết cấu có hình thức cấu trúc càng nhiều thì nội dung được diễn đạt càng lớn. Các yếu tố được thêm vào làm “*mở rộng*” hình thức cấu trúc có chức năng diễn đạt nghĩa mức độ đánh giá nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn so với mức độ đánh giá vốn có trong kết cấu gốc. Và ý nghĩa “*nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn*” đó là thành phần nghĩa tình thái. Thành phần nghĩa này không phản ánh trực tiếp mức độ đánh giá phẩm chất thực có của đối tượng được đánh giá mà phụ thuộc vào thái độ, cảm xúc mang tính chủ quan của người đánh giá. Vì vậy chúng cũng tạo nên sự khu biệt so với mức độ đánh giá của các kết cấu gốc.

Trở lại vấn đề có hay không có mức độ cao hơn mức cực cấp trên thang độ tiếng Việt. Theo suy nghĩ của chúng tôi, tiểu loại cực cấp vượt ngưỡng (theo đề xuất của Léopold Cadière) có sự khác biệt về sắc thái nghĩa (mang nghĩa nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn) so với mức cực cấp tuyệt đối. Vì vậy có thể xem cực cấp vượt ngưỡng (theo cách định danh của Léopold Cadière) là bậc trên thang độ tiếng Việt thể hiện ý nghĩa mức độ cao hơn mức cực cấp. Chúng tôi định danh chúng là mức siêu cực cấp. Như vậy, mức độ cao nhất trên thang độ tiếng Việt là mức siêu cực cấp. Mức siêu cực cấp hình thành dựa trên sự “*mở rộng*” hình thức cấu trúc từ các kết cấu gốc mang ý nghĩa mức độ cực cấp. Lê Quang Thiêm (2013) trong quyển *Ngữ nghĩa học*, có viết: “*các tín hiệu ngôn ngữ (từ, ngữ, câu) không phải tồn tại với hình thức và nội dung sẵn có để đánh dấu, phản ánh thế giới mà nó hình thành bắt đầu từ ý thức, từ sự hiểu biết, cảm nhận của con người. Một ý niệm, một cảm xúc xuất hiện đòi hỏi một hình thức biểu hiện của ngôn ngữ. Với tri thức ngôn ngữ học, việc thay một từ, biến một âm, thay đổi trật tự tổ hợp là thay đổi nghĩa...*” [7, tr.67].

3. Cơ sở hình thành và cách thức “mở rộng” hình thức cấu trúc của các kết cấu chỉ mức độ cao và mức cực cấp trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ

3.1. Cơ sở hình thành các kết cấu diễn đạt mức độ tăng tiến bằng cách “mở rộng” hình thức cấu trúc trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ

Một kết cấu mang ý nghĩa mức độ đánh giá thường có ba yếu tố: chủ thể đánh giá, đối tượng đánh giá và cơ sở đánh giá. Các kết cấu có hình thức cấu trúc “mở rộng” thêm để biểu thị mức độ cao hơn trong bài viết này cũng có đầy đủ các yếu tố đó. Mặc dù ý nghĩa “nhấn mạnh hơn, tăng cường hơn” không phản ánh trực tiếp mức độ đánh giá phẩm chất thực có của đối tượng được đánh giá mà phụ thuộc vào thái độ, cảm xúc mang tính chủ quan của người đánh giá, song tính chủ quan này lại phụ thuộc vào sự quy ước có tính chất logic. Và sự quy ước có tính chất logic này lại mang tính khách quan bởi nó được hình thành từ sự nhận biết của cộng đồng bản ngữ về thuộc tính khách quan nào đó của sự vật hiện tượng. Cụ thể, theo kinh nghiệm của người Việt, ngôn ngữ được hình dung là một vật chứa. Khi vật chứa (hình thức cấu trúc) thay đổi thì ất hẳn vật được chứa (nội dung) cũng thay đổi theo, hay nói cách khác, sự mở rộng hoặc kéo dài hình thức cấu trúc sẽ làm cho nghĩa của phần trung tâm được mở rộng hơn. Từ đó hình thành mô hình ảnh xạ CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC CÀNG NHIỀU NỘI DUNG.

Nguồn ngữ liệu mà chúng tôi thống kê được cho thấy tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ có điểm chung là đều dùng mô hình ảnh xạ CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC CÀNG NHIỀU NỘI DUNG để biểu đạt mức độ đánh giá cực cấp hoặc siêu cực cấp đặc tính, phẩm chất ở một số của sự tình. Điều này đồng nghĩa với việc cả tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ đều sử dụng phương thức tri nhận ẩn dụ ngữ pháp để tạo ra các kết cấu có hình thức cấu trúc thay đổi bằng cách “mở rộng” thêm để diễn đạt mức độ tăng tiến. Các kết cấu vốn mang ý nghĩa mức độ cao được “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để diễn đạt mức cực cấp hay các kết cấu vốn mang ý nghĩa mức cực cấp được “mở rộng” thêm về hình thức cấu trúc để diễn đạt mức siêu cực cấp.

Các kết cấu có hình thức cấu trúc thay đổi bằng cách “mở rộng” thêm để diễn đạt mức độ tăng tiến trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ còn có điểm chung là vừa thể hiện thuộc tính chủ quan của chủ thể đánh giá, lại vừa thể hiện thuộc tính khách quan do có sự hiểu biết ở chủ thể tri nhận về đặc tính, phẩm chất của sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan. Các miền nguồn tham gia diễn đạt mức độ tăng tiến trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ theo mô hình ảnh xạ trên đều là các ý niệm nguồn quen thuộc, gắn gũi với đời sống con người. Đó là những sự vật, hiện tượng cụ thể, trực quan nên con người có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được. Chúng có tác động, ảnh hưởng đến tri giác của các cộng đồng bản ngữ. Lượng phạm trù ý niệm nguồn được sử dụng làm cơ sở phóng chiếu đến miền đích chỉ mức độ tăng tiến theo mô hình ảnh xạ trên trong tiếng Việt toàn dân và trong tiếng Nam Bộ cơ bản giống nhau. Cụ thể, tiếng Việt toàn dân có phạm trù bộ phận cơ thể người “*mát mày mát mặt/ mát mặt mát tai, mát lòng mát dạ, mát ruột mát gan, nóng ruột nóng gan, mỗi mồm mỗi miệng, rát cổ rát họng, bù đầu bù cổ, cấm đầu cấm cổ, cười đầu cười cổ*”; phạm trù trạng thái sinh lí của con người “*cổ sống cổ chết*”; phạm trù vật dụng “*đốt đặc cán mai*”; phạm trù động vật “*trơ mắt ếch, nói toạc móng heo, dứt đuôi con nòng nọc*”; phạm trù sự vật, hiện tượng thiên nhiên “*quá trời quá đất*”; phạm trù văn hóa - xã hội “*trơ thổ địa, nói thánh nói tướng*”. Thi trong tiếng Nam Bộ, cũng có miền nguồn thuộc các phạm trù: phạm trù bộ phận cơ thể người “*lên ruột cả chùm, sẫu mình mây, hủ hồn hủ vía*”; phạm trù vật dụng “*quắc cần câu, mù trát ống vô, mạt cọng từ đường, mút chỉ cả tha, mút chỉ cần câu*,”; phạm trù động vật “*thầy lay căng vịt*” phạm trù sự vật - hiện tượng tự nhiên “*sanh từ lửa, cù lân lửa, chà bá lửa, dăng trời đổ lửa/ dăng trời mây, làm trời làm đất, quá sá trời/ quá trời thần*”; phạm trù thực phẩm “*hết đường tương chao*”, phạm trù con người trong mối liên hệ gia đình, xã hội “*thấy mò cổ tổ, thấy bà cổ, thấy ông thấy cha, hết cỡ*

thợ mộc, mút mùa lệ thủy, cù lằn chúa"; phạm trù văn hóa - xã hội "*dữ thần, quá trời thần, quá trời ông địa, mát trời ông địa*".

Tuy nhiên, số lượng kết cấu có hình thức "mở rộng" hình thức cấu trúc để diễn đạt mức độ tăng tiến trong tiếng Nam Bộ gần gấp đôi so với tiếng Việt toàn dân (tiếng Nam Bộ có 51 kết cấu, gồm 6 biểu thức diễn đạt mức cực cấp, 45 kết cấu diễn đạt mức siêu cực cấp; tiếng Việt toàn dân có 25 kết cấu, gồm 7 kết cấu diễn đạt mức cực cấp, 18 kết cấu diễn đạt mức siêu cực cấp). Các thông số này phản ánh độ đậm nhạt khác nhau trong cách lựa chọn các ý niệm dùng làm miền nguồn và đồng thời thể hiện cách đánh giá đặc tính, phẩm chất sự tình của người Nam Bộ là thiên về xu hướng đánh giá chủ quan, theo cảm xúc, thái độ của chủ thể đánh giá.

3.2. Cách "mở rộng" hình thức cấu trúc để biểu thị mức độ đánh giá tăng tiến trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ

Các kết cấu có hình thức cấu trúc "mở rộng" để diễn đạt mức độ tăng tiến trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ có điểm chung là được tạo ra bằng cách thức ghép thêm yếu tố vào kết cấu gốc để tạo biểu thị mức độ đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, các yếu tố được ghép thêm vào các kết cấu gốc trong tiếng Nam Bộ đa dạng hơn so với trong tiếng Việt toàn dân. Cụ thể, tiếng Việt toàn dân chỉ có kiểu ghép yếu tố mang nghĩa giống hoặc gần giống với yếu tố biểu thị mức độ đánh giá trong kết cấu gốc, như *tổ + bố > tổ bố*, *mát mặt + mát mày > mát mày mát mặt*, *lắm mồm + lắm miệng > lắm mồm lắm miệng*, *bạt vĩa + kính hờn > bạt vĩa kính hờn*. Tiếng Nam Bộ ngoài kiểu ghép yếu tố mang nghĩa giống hoặc gần giống với yếu tố biểu thị mức độ đánh giá trong kết cấu gốc như trong tiếng Việt toàn dân: "*ghê + góm > ghê góm*; *quá trời + quá đất > quá trời quá đất*; *tổ bà/ tổ chàng + tổ bà chàng/ tổ bà nài, tổ bà dềnh*", v.v. còn có các kiểu ghép khác. Đó là yếu tố được ghép vào một số kết cấu trong tiếng Nam Bộ có liên quan đến sự liên tưởng đồng âm hoặc điệp vần với yếu tố trong biểu thức gốc: *Mút chỉ* (đến cùng, hết giới hạn cho phép) > *mút chỉ cà tha/ mút chỉ cần câu* (có ý nhấn mạnh sự quá mức); *hết đường* (không còn cách nào khác, hết hi vọng) - *hết đường tương chao* (không có chút hi vọng nào, nghĩa nhấn mạnh hơn *hết đường*); *trần thân* (khô cứng, vất vả) - *trần thân mẻo đậu* (như *trần thân* nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn). Trong đó, *chỉ* trong biểu thức *mút chỉ cà tha* là những sợi chỉ ngũ sắc do các vị sư sãi chùa Khmer se sẵn thành từng cuộn để tặng vào dịp lễ tết, được người Việt đánh đồng với *chỉ*, biểu thị phạm vi, giới hạn đã định; yếu tố *đường* trong "*hết đường tương chao*", vốn có nghĩa "mặt, phương diện nào đó". Người Nam Bộ đánh đồng với "đường, một dạng tinh thể nhỏ như cát, là loại thực phẩm" và kết hợp với các ý niệm "tương, chao" cùng phạm trù thực phẩm, tạo nên biểu thức "*hết đường tương chao*" có nghĩa "không còn chút hi vọng nào, không có tí kết quả nào (cực cấp)". Trong "*Trần thân mẻo đậu*" yếu tố *thân* (thân thể) được đánh đồng với *thân* - một trong 10 can nên kết hợp với các ý niệm "mẻo, đậu" cùng phạm trù, tạo nên biểu thức "trần thân mẻo đậu" mang nghĩa "vất vả, cơ cực" (cực cấp). Hoặc ghép thêm yếu tố có điệp vần với yếu tố có trong biểu thức gốc: "*từa lưa*" có nghĩa "rất lộn xộn" - "*từa lưa hạt dưa*" nghĩa "như *từa lưa*" nhưng nghĩa nhấn mạnh hơn (cực cấp). Như vậy, cách thức "mở rộng" hình thức cấu trúc trong các kết cấu biểu thị mức độ trong tiếng Nam Bộ đa dạng hơn so với tiếng Việt toàn dân.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu dạng kết cấu hình thành từ sự "mở rộng" hình thức cấu trúc trong tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ cho thấy tiếng Việt có kiểu diễn đạt mức cực cấp và siêu cực cấp bằng cách "mở rộng" hình thức cấu trúc của các kết cấu gốc vốn mang ý nghĩa mức độ theo mô hình tri nhận CÀNG NHIỀU HÌNH THỨC, CÀNG NHIỀU NỘI DUNG. Chính nhờ có mô hình tri nhận này mà tiếng Việt có phương tiện từ vựng diễn đạt mức độ đánh giá siêu cực cấp. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy tiếng Việt toàn dân và tiếng Nam Bộ vừa có điểm giống nhau lại có điểm khác nhau trong cơ sở và cách thức hình thành các kết cấu có sự "mở rộng" hình thức cấu trúc để diễn đạt mức độ tăng tiến. Điều này làm rõ vấn đề không chỉ giữa các ngôn ngữ mới phản ánh điểm

khác biệt về đặc điểm văn hóa, tri nhận mà ngay cả trong nội bộ một ngôn ngữ, cũng phản ánh điểm khác biệt về đặc điểm văn hóa, tri nhận của người Việt. Vì vậy, muốn tìm hiểu đặc trưng văn hóa, tri nhận của một dân tộc qua lĩnh vực ngôn ngữ, ngoài việc tiếp cận theo hướng đối sánh các ngôn ngữ, chúng ta cũng cần chú ý đến việc đối sánh các vùng phương ngữ hoặc đối sánh giữa tiếng Việt toàn dân với các phương ngữ khác để có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về bức tranh đặc điểm văn hóa, tri nhận của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hùng Dũng (2011), "Ý nghĩa dài mức độ và cách dùng của các đơn vị chỉ mức độ trong tiếng Việt", Tạp chí *Khoa học Đại học Sư phạm* Thành phố Hồ Chí Minh, số 29.
2. Phạm Hùng Dũng (2012), *Các phương tiện thể hiện ý nghĩa cực cấp trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Anh)*, luận án tiến sĩ.
3. Nguyễn Thị Hai (2017), *Khảo sát tổ hợp tính từ kết hợp với từ ngữ chỉ ý nghĩa cực cấp tuyệt đối trong tiếng Nam Bộ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế lần II - "Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển", Hà Nội.
4. Ngô Thị Huệ (2014), "Tính phổ biến của phương thức lặp trong loại hình ngôn ngữ dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 8.
5. Hoàng Trọng Phiến (2003), *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb Nghệ An.
6. Trịnh Sâm (2015), "Hình thức và nội dung nhìn từ tri nhận luận", Tạp chí *Ngôn ngữ* số 7.
7. Trần Thị Tâm - Nguyễn Thanh Phong (2003), *Vài ghi nhận về những kết hợp biểu thị mức độ cao*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Lê Quang Thiêm (2013), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục.
9. Đinh Lê Thư (1995), *Cách sử dụng các phó từ chỉ mức độ rất - quá - lắm, hơi - khá*, (Kỷ yếu tiếng Việt như một ngoại ngữ (các vấn đề tiếng Việt cho người nước ngoài)), Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Cadière Léopold (1958), *Syntaxe de la Langue Vietnamienne*, Pari: Ecole Francaise D'extrême-Orient.
11. Lakoff, Johnson (1980), *Metaphors We Live By*, Chicago: The University of Chicago Press.

NGUỒN NGỮ LIỆU

12. Đỗ Thị Kim Liên (2015), *Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
13. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*. Nxb Khoa học Xã hội. Viện Ngôn ngữ Việt Nam (2016).
14. Viện Ngôn ngữ học (2016), *Từ điển tiếng Việt* - Hoàng Phê chủ biên. Nxb Hồng Đức.

The "expansion" of the structural form to express degrees in national Vietnamese language and Southern dialect

Abstract: Both national Vietnamese language and Southern dialect have the phenomenon of "expansion" the form of structure based on the mapping model THE MORE FORMS, THE MORE CONTENTS to perform the degrees of progression, from high to extreme and from extreme degree to super extreme one. However, the number and the way of "expanding" the structural form to indicate the degrees of increase in national Vietnamese language and in Southern dialect are not completely the same. This shows that not only among languages reflect the distinctions in cultural and cognitive characteristics but even within a language also reflects the distinctions in cultural and cognitive characteristics of Vietnamese people in each region.

Key words: "expansion"; structural form of; degree; cognitive linguistics; super extreme degree.